

DỰ THẢO ÁN LỆ SỐ 06/2024¹

ÁN LỆ SỐ .../2024/AL

Về xác định pháp luật điều chỉnh hợp đồng xây dựng

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào ngày ... tháng ... năm 2024 và được công bố theo Quyết định số .../QĐ-CA ngày ... tháng ... năm 2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Quyết định giám đốc thẩm số 12/2019/DS-GĐT ngày 24/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại hợp đồng khoan phá đá*” giữa nguyên đơn là Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ Q với bị đơn là Tổng Công ty công nghiệp hóa chất mỏ V.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 5 phần “*Nhận định của Tòa án*”.

Khái quát nội dung của án lệ:

- Tình huống án lệ:

Các bên ký kết hợp đồng thi công xây dựng và có tranh chấp về hợp đồng này.

- Giải pháp pháp lý:

Trường hợp này, Tòa án phải áp dụng quy định của pháp luật xây dựng để giải quyết; trường hợp pháp luật xây dựng không có quy định thì áp dụng quy định Bộ luật Dân sự để giải quyết.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

- Khoản 1 Điều 138 Luật Xây dựng năm 2014;
- Điều 4 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ khoá của án lệ:

“*Hợp đồng xây dựng*”; “*Luật Xây dựng*”; “*Luật Thương mại*”; “*Bộ luật Dân sự*”; “*Pháp luật điều chỉnh hợp đồng xây dựng*”; “*Hợp đồng thi công xây dựng*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2014, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 28/01/2015 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ Q - sau đây viết tắt là Công ty Q (do ông Phạm D đại diện) trình bày:

Ngày 22/02/2012, Công ty Q và Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ T (là Chi nhánh thuộc Tổng Công ty công nghiệp hóa chất mỏ - V; sau đây viết tắt là Công

¹ Dự thảo án lệ này do GS. TS. Đỗ Văn Đại - Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất.

ty T) ký Hợp đồng kinh tế số 16/HĐTC/12 về việc Công ty Q khoán cho Công ty T khoan, phá đá tại công trình xây dựng Nhà máy thủy điện H (thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), Công ty Q cho rằng trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thi công chậm tiến độ và tự ý di dời máy móc, thiết bị, nhân lực ra khỏi công trình, để lại khối lượng việc dở dang mà không thông báo bằng văn bản cho Công ty Q biết. Để kịp bàn giao công trình cho chủ đầu tư, Công ty Q phải thuê Công ty khác tiếp tục thi công phần việc dở dang. Ngày 25/9/2013, hai bên đã lập biên bản nghiệm thu công trình nhưng sau đó Công ty T vẫn không lập đủ hồ sơ thanh quyết toán và cũng không đồng ý bồi thường cho Công ty Q các thiệt hại do việc thi công chậm tiến độ gây ra (chi phí xử lý khối lượng việc còn lại, chi phí kéo dài dự án, thiệt hại do chủ đầu tư không chấp nhận bù trượt giá). Vì vậy, Công ty Q khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty công nghiệp hóa chất mỏ - V bồi thường thiệt hại do Công ty T gây ra cho Công ty Q với số tiền 3.400.000.000 đồng.

Bị đơn là Tổng Công ty công nghiệp hóa chất mỏ V (do ông Nguyễn Văn S đại diện) trình bày.

Ngày 22/02/2012, Công ty Q và Công ty T có ký Hợp đồng kinh tế số 16/HĐTC/12 thỏa thuận về việc khoan, phá đá tại công trình xây dựng Nhà máy thủy điện H. Sau khi ký hợp đồng, Công ty T tiến hành thi công khoan nổ mìn 4 đợt từ ngày 06/4/2012 đến 18/12/2012 với tổng giá trị thực hiện là 4.963.278.539 đồng. Tổng số tiền Công ty Q còn nợ Công ty T qua 04 đợt thi công là 3.279.084.691 đồng và hai bên đã ký Biên bản hợp thanh lý hợp đồng ngày 07/11/2014. Riêng phần công việc còn dở dang hai bên thống nhất để lại 25% giá trị nghiệm thu của đợt 4 để xử lý. Công ty T đã gửi hóa đơn, chứng từ hợp lệ nhưng Công ty Q không thanh toán tiền. Tổng Công ty công nghiệp hóa chất mỏ - V không đồng ý với yêu cầu của Công ty Q về việc bồi thường thiệt hại tương ứng với số tiền 3.400.000.000đ.

Ngày 23/3/2015, Tổng Công ty công nghiệp hóa chất mỏ V có đơn phản tố, đề nghị Tòa án buộc Công ty Q trả số tiền còn nợ trong 4 đợt thi công là 3.279.084.691 đồng và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2016/KDTM-ST ngày 18/5/2016, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ Q về việc yêu cầu Tổng Công ty công nghiệp hóa chất mỏ - V bồi thường thiệt hại do chi nhánh của mình là Công ty công nghiệp hóa chất mỏ T gây thiệt hại cho Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ Q với số tiền là 3.400.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của Tổng Công ty công nghiệp hóa chất mỏ - V.

Buộc Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ Q phải thanh toán cho Tổng Công ty công nghiệp hóa chất mỏ - V thông qua Công ty công nghiệp hóa chất mỏ T số tiền là 3.279.084.691 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 3.279.084.691 đồng và tiền nợ lãi là 432.019.407 đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/5/2016, Công ty Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 05/2016/KDTM-PT ngày 26/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ Q; giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2016/KDTM-ST ngày 18/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 33/2017/KN-KDTM-VC2 ngày 05/5/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 05/2016/KDTM-PT ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2016/KDTM-ST ngày 18/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm lại.

Quyết định giám đốc thẩm số 25/2017/KDTM-GĐT ngày 21/8/2017, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 05/2016/KDTM-PT ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2016/KDTM-ST ngày 18/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2017, ông Võ Văn Bình, Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai có đơn đề nghị xem xét Quyết định giám đốc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 08/2019/KN-KDTM ngày 17/6/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Quyết định giám đốc thẩm số 25/2017/KDTM-GĐT ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Quyết định giám đốc thẩm nêu trên, hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 05/2016/KDTM-PT ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2016/KDTM-ST ngày 18/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Theo Biên bản làm việc ngày 25/9/2013 giữa Công ty Q và Công ty T thì tính đến ngày 25/9/2013 Công ty T vẫn chưa hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu theo quy định và chưa thi công hoàn thiện hố móng theo thiết kế; Công ty Q phải đưa búa cần vào đục để kịp tiến độ bàn giao công trình cho chủ đầu tư. Điều này thể hiện Công ty T đã thi công chậm tiến độ theo hợp đồng. Phía Công ty Q cũng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán của 4 đợt nghiệm thu theo điểm 2.2 khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/5/2014, ngày 30/8/2014 và Biên bản hợp thanh lý hợp đồng ngày 07/11/2014, Công ty Q đã thừa nhận còn nợ Công ty T số tiền 3.279.084.691 đồng và cam kết sẽ trả cho Công ty T 500.000.000 đồng vào cuối mỗi tháng (tính từ cuối tháng 11 năm 2014) nhưng sau đó Công ty Q không thực hiện. Như vậy, trong quá trình thực hiện Hợp đồng, cả Công ty Q và Công ty T không tuân thủ các nội dung của Hợp đồng về thời gian thi công và nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, cũng cần đánh giá nguyên nhân của các vi phạm này, ý chí của các bên trong quá trình thực hiện để xét lỗi.

[2] Đối với phần công việc còn dang dở, tại Biên bản hợp thanh lý Hợp đồng ngày 07/11/2014, Công ty Q và Công ty T thống nhất giữ lại 25% giá trị nghiệm thu của đợt 4 để làm chi phí xử lý các công việc tồn đọng của hố móng do việc không thi công hoàn thiện hố móng bằng công tác nổ nhỏ. Trong trường hợp này, khi giải quyết vụ án, Tòa án các cấp phải xác định khối lượng công việc thực tế còn lại là bao nhiêu, có tương ứng với với 25% giá trị nghiệm thu của đợt 4 hay không? Trường hợp số tiền 25% giá trị nghiệm thu của đợt 4 không đủ để chi phí xử lý các công việc tồn đọng thì Công ty T phải trả cho Công ty Q số tiền còn thiếu. Trường hợp khối lượng công việc còn lại trong thực tế ít hơn 25% giá trị nghiệm thu của đợt 4 thì Công ty Q phải trả Công ty T phần giá trị dư ra. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ và tính cụ thể khối lượng công việc thực tế còn tồn đọng là bao nhiêu, mà lại bác yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty Q là không có căn cứ.

[3] Quyết định giám đốc thẩm của ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không xem xét sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm mà nhận định rằng: số tiền 25% của đợt 4 giữ lại để xử lý khối lượng công việc mà Công ty T chưa hoàn thiện không liên quan đến việc bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng là chưa thỏa đáng. Bên cạnh đó, cấp giám đốc thẩm nhận định đối với yêu cầu đòi bồi thường của nguyên đơn trên cơ sở so sánh giá trị tạm tính của hợp đồng với giá trị khối lượng công việc đã nghiệm thu để cho rằng Công ty T mới hoàn thành 50% khối lượng công việc nhận khoán là không đúng. Trường hợp này cần căn cứ vào Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 07/11/2014 để xác định khối lượng công việc thực tế theo thỏa thuận giữa hai bên trong Hợp đồng và thu thập chứng cứ để làm rõ những thiệt hại (nếu có) mà Công ty Q phải gánh chịu như nguyên đơn yêu cầu.

[4] Ngày 23/3/2015, Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - V có đơn phản tố, đề nghị Tòa án buộc Công ty Q thanh toán số tiền còn thiếu trong 4 đợt thi công là 3.279.084.691 đồng và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã xem xét, giải quyết cả yêu cầu đòi bồi

thường thiệt hại của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, nhưng Quyết định giám đốc thẩm số 25/2017/KDTM-GĐT ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chỉ nhận định đối với phần yêu cầu đòi bồi thường của nguyên đơn, còn đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì không xem xét, nhưng lại tuyên hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm để giao xét xử sơ thẩm lại là không đúng.

[5] Ngoài ra, Hợp đồng số 16/HĐTC/12 ngày 22/02/2012 giữa Công ty Q và Công ty T liên quan đến hoạt động xây dựng, được xác lập trên cơ sở Hợp đồng thi công xây dựng số 01/HP-XD/HĐ ngày 18/8/2011 giữa Công ty cổ phần điện M với Công ty Q, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng Luật Thương mại để giải quyết vụ án là không đúng. Trong trường hợp này, cần xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến lĩnh vực xây dựng, nên cần áp dụng pháp luật xây dựng. Trường hợp pháp luật xây dựng không quy định thì áp dụng Bộ luật Dân sự để giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 337, Điều 342, khoản 3 Điều 343, Điều 345 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2019/KN-KDTM ngày 17/6/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Quyết định giám đốc thẩm số 25/2017/KDTM-GĐT ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 05/2016/KDTM-PT ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2016/KDTM-ST ngày 18/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai về vụ án “Tranh chấp bồi thường thiệt hại hợp đồng khoan phá đá” giữa nguyên đơn là Công ty cổ phần Xây dựng thương mại và Dịch vụ Q với bị đơn là Tổng Công ty công nghiệp hóa chất mỏ - V.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

NỘI DUNG ÁN LỆ:

“[5] ... Hợp đồng số 16/HĐTC/12 ngày 22/02/2012 giữa Công ty Q và Công ty T liên quan đến hoạt động xây dựng, được xác lập trên cơ sở Hợp đồng thi công xây dựng số 01/HP-XD/HĐ ngày 18/8/2011 giữa Công ty cổ phần điện M với Công ty Q, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng Luật Thương mại để giải quyết vụ án là không đúng. Trong trường hợp này, cần xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến lĩnh vực xây dựng, nên cần áp dụng pháp luật xây dựng. Trường hợp pháp luật xây dựng không quy định thì áp dụng Bộ luật Dân sự để giải quyết.”

LÝ DO ĐỀ XUẤT ÁN LỆ

Hợp đồng xây dựng giữa các doanh nghiệp rất phổ biến và thường xuyên có tranh chấp. Khi có tranh chấp, cần áp dụng pháp luật dành riêng cho hợp đồng xây dựng. Tuy nhiên, đối với nhiều vấn đề, pháp luật xây dựng lại chưa có quy định như thời hiệu khởi kiện, mức phạt vi phạm hợp đồng (khi không dùng ngân sách nhà nước), mức lãi chậm trả. Vì vậy, cần phải xác định nguồn pháp luật bổ sung để điều chỉnh.

Hiện nay có sự không thống nhất giữa các chuyên gia và Tòa án địa phương: Hướng thứ nhất là áp dụng Luật thương mại (và khi Luật thương mại không có quy định thì lại quay sang áp dụng Bộ luật dân sự) và hướng thứ hai là áp dụng Bộ luật dân sự (mà không qua trung gian là áp dụng Luật thương mại). Việc áp dụng hướng nào trong hai hướng vừa nêu có hệ quả rất quan trọng vì Luật thương mại và Bộ luật dân sự thường rất khác nhau về nội dung. Trong Quyết định giám đốc thẩm này, Hội đồng thẩm phán đã có hướng giải quyết rõ: Không áp dụng Luật thương mại mà áp dụng Bộ luật dân sự. Hướng này phù hợp với Luật xây dựng năm 2014 khi Luật này khẳng định hợp đồng xây dựng là “hợp đồng dân sự” (khoản 1 Điều 138) và Điều 4 Bộ luật dân sự năm 2015 khẳng định “*Trường hợp luật khác có liên quan không quy định hoặc có quy định nhưng vi phạm khoản 2 Điều này thì quy định của Bộ luật này được áp dụng*” (khoản 3). Nội dung đoạn in nghiêng trong quy định vừa nêu cho thấy, khi luật có liên quan (và Luật Xây dựng là một dạng Luật có liên quan) không quy định, Bộ luật Dân sự không theo hướng áp dụng Luật Thương mại mà khẳng định “Bộ luật này được áp dụng”. Trong vụ án này, quan hệ tranh chấp liên quan đến lĩnh vực xây dựng, Hội đồng thẩm phán đã xác định rõ cần áp dụng pháp luật xây dựng; trường hợp pháp luật xây dựng không quy định thì áp dụng Bộ luật Dân sự để giải quyết.

Do đó, để áp dụng thống nhất pháp luật trong các vụ án có tình huống pháp lý tương tự thì việc phát triển án lệ về vấn đề này là cần thiết.